

Số: /2022/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại trụ sở Bộ phận Một cửa và tại cơ quan có thẩm quyền không được thực hiện các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và quy định pháp luật liên quan”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ phận Một cửa; người làm việc tại Bộ phận Một cửa; tiêu chuẩn, trách nhiệm, quyền lợi, của cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa; trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền cử cán bộ, công chức, viên chức đến làm việc tại Bộ phận Một cửa; trách nhiệm của người đứng đầu Bộ phận Một cửa; bố trí trụ sở, trang thiết bị của Bộ phận Một cửa

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ phận Một cửa được thực hiện theo quy định Điều 8 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định 107/2021/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm người đứng đầu Bộ phận Một cửa

a) Trực tiếp điều hành và chịu trách nhiệm trước người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền về toàn bộ hoạt động của Bộ phận Một cửa.

b) Ký các loại văn bản liên quan hoạt động của Bộ phận Một cửa theo quy định và chịu trách nhiệm thực hiện các quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều 9 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

c) Báo cáo, đề xuất người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền biện pháp xử lý đối với những trường hợp giải quyết thủ tục hành chính không đảm bảo thời gian, chất lượng hoặc công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa để xảy ra sai sót trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính gây bức xúc cho tổ chức, cá nhân.

3. Người làm việc tại Bộ phận Một cửa; tiêu chuẩn, trách nhiệm, quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa; trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền cử cán bộ, công chức, viên chức đến làm việc tại Bộ phận Một cửa được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1, khoản 1 Điều 2 Nghị định 107/2021/NĐ-CP; khoản 1, khoản 2, và khoản 3 Điều 11 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định 107/2021/NĐ-CP; Điều 12 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

4. Cán bộ, công chức, viên chức thực hiện các quy định trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 2 Nghị định 107/2021/NĐ-CP; Điều 18 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 1 Nghị định 107/2021/NĐ-CP; Điều 19 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; Điều 20 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 1, khoản 1 Điều 2 Nghị định 107/2021/NĐ-CP; Điều 21a của Nghị định 61/2018/NĐ-CP đã được bổ sung bởi khoản 11 Điều 1 Nghị định 107/2021/NĐ-CP.

5. Bộ phận Một cửa được bố trí trụ sở, trang thiết bị theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định 107/2021/NĐ-CP.”.

3. Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 9 như sau:

“6. Căn cứ việc triển khai số hóa, kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh và Cổng Dịch vụ công quốc gia, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mở rộng phạm vi tiếp nhận thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính tại Bộ phận Một cửa các cấp thuộc phạm vi quản lý.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Cách thức cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính có quyền lựa chọn nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua các cách thức sau đây:

1. Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa.

2. Thông qua dịch vụ bưu chính đối với những thủ tục hành chính áp dụng cách thức nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, thông qua người đại diện, ủy quyền theo quy định pháp luật.

3. Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công tỉnh đối với các thủ tục hành chính áp dụng cách thức thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến.

4. Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm tuyên truyền, hỗ trợ việc nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh đối với những thủ tục áp dụng cách thức thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến để tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Chuyển dữ liệu hồ sơ điện tử được tiếp nhận trực tuyến của tổ chức, cá nhân hoặc hồ sơ giấy đã được số hóa đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Hồ sơ giấy được chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải đính kèm theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (liên thứ hai), Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 05 của Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP. Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết phải ghi đầy đủ thông tin ngày, giờ giao, nhận hồ sơ trên Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, sau đó luân chuyển trả lại cho Bộ phận Một cửa cùng với kết quả giải quyết thủ tục hành chính.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 16 như sau:

“4. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân được lưu trữ tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh để phục vụ việc tích hợp, chia sẻ, tra cứu thông tin, dữ liệu, sử dụng để thực hiện các thủ tục hành chính khác theo quy định của pháp luật.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Nộp phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nộp phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính và nghĩa vụ tài chính khác theo đúng quy định pháp luật khi thực hiện thủ tục hành chính. Phương thức nộp thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 1 Nghị định 107/2021/NĐ-CP.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 21 như sau:

“1. Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh (<https://dichvucong.laichau.gov.vn/>) phải được xây dựng tập trung, thống nhất, tạo thành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh để tiếp nhận, giải quyết, theo dõi, đánh giá chất lượng thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

2. Yêu cầu đối với Cổng Dịch vụ công tỉnh và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 14 Điều 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị định 107/2021/NĐ-CP.”.

Điều 2. Bổ sung, thay thế một số cụm từ tại một số điều của Quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

1. Bổ sung cụm từ “Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc” vào trước cụm từ “Cổng dịch vụ công” tại điểm đ khoản 3 Điều 10; khoản 2 Điều 15 của Quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

2. Thay thế cụm từ “Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng”

bằng cụm từ “Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Lai Châu” tại Điều 1; điểm a khoản 1 Điều 2; khoản 1 Điều 5; khoản 2 Điều 6; khoản 2 Điều 9; điểm a khoản 2 Điều 19 của Quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 202 ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Báo Lai Châu;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Lưu: VT, KS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Thanh Hải